

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 5 năm 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYỀN MỘC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đẩu
2. Ông Nguyễn Ngọc Khanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Ngọc Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Rư- Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **596/2018/TLST-HNGĐ** ngày 07/12/2018 về việc “tranh chấp ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2020/QĐST- HNGĐ ngày 05 tháng 03 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2020, Thông báo mở lại phiên tòa số 32/2020/TBMLPT ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1977; trú tại: tổ 2, ấp Phú Lâm, xã H1, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (vắng mặt);

2. *Bị đơn:* Ông **Phan Văn D1**, sinh năm 1981; trú tại: tổ 2, ấp Phú Lâm, xã H1, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI D1 VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/12/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Tôi và ông Phan Văn D1 sau khi tìm hiểu được một thời gian, có tổ chức lễ cưới. Ngày 26/10/2001, tôi và ông Phan Văn D1 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện không có ai mai mối hay

ép buộc. Cuộc sống hôn nhân của tôi và ông Phan Văn D1 ban đầu hạnh phúc. Đến năm 2015, thì xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xảy ra cãi vã; ông Phan Văn D1 say xỉn về nhà kiểm chuyện đánh đập vợ con. Kể từ đó, vợ chồng ly thân, hai bên không còn quan hệ tình cảm lẫn kinh tế. Nay tôi cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn ông Phan Văn D1.

Về con chung: Tôi và ông Phan Văn D1 có ba con chung là Phan Nguyễn Văn Duy, sinh ngày 23/02/2002; Phan Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 05/7/2006 và Phan Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 22/01/2012. Bà Nguyễn Thị L1 yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành là cháu Phan Nguyễn Duy Khang và Phan Nguyễn Khánh Ngọc; còn cháu Phan Nguyễn Văn Duy giao cho ông D1 trực tiếp nuôi dưỡng; không yêu cầu ông Phan Văn D1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi và ông Phan Văn D1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn D1 đều vắng mặt trong quá trình tố tụng.

Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Phan Văn D1 vắng mặt trong quá trình tố tụng là chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa thì đã đủ cơ sở chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L1 được ly hôn ông Phan Văn D1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1].*Về tố tụng:*

Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc đã giao hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Phan Văn D1. Tại phiên tòa sơ thẩm thứ nhất ngày 25/3/2020 và cũng như tại phiên tòa hôm nay (11/5/2020), ông Phan Văn D1 đều vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà Nguyễn Thị L1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ vào Điều 72, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt ông Phan Văn D1, bà Nguyễn Thị L1.

[2].*Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp*: Xét yêu cầu của nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Xuyên Mộc, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].*Về hôn nhân*:

Ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Tân, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An được chứng minh bằng Giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày 26/10/2001 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L1 là hợp pháp.

Quá trình chung sống do hai bên bất đồng về quan điểm nên dẫn đến va chạm, mâu thuẫn, mất lòng tin với nhau. Từ mâu thuẫn này, hai bên không thể tự giải tỏa, xóa bỏ mâu thuẫn mà thường xuyên cãi vã nhau. Vì vậy, ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L1 đã sống ly thân, không còn quan hệ với nhau cả về tình cảm lẫn kinh tế. Tòa án triệu tập ông Phan Văn D1 tham gia phiên hòa giải nhằm hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông không đến. Xét thấy giữa ông Phan Văn D1 và bà Nguyễn Thị L1 không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận cho bà Nguyễn Thị L1 được ly hôn với ông Phan Văn D1.

[4].*Về con chung*:

Bà Nguyễn Thị L1 và ông Phan Văn D1 có ba con chung là Phan Nguyễn Văn Duy, sinh ngày 23/02/2002; Phan Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 05/7/2006 và Phan Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 22/01/2012.

Xét thấy việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét cháu Phan Nguyễn Duy Khang và Phan Nguyễn Khánh Ngọc đang chung sống với mẹ, vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, cháu Khang và cháu Ngọc có nguyện vọng được được chung sống với mẹ nếu cha mẹ ly hôn. Xét cháu Phan Nguyễn Văn Duy đang chung sống với bố và cháu có nguyện vọng được chung sống với bố nếu cha mẹ ly hôn nhưng tính đến hôm nay thì Duy đã đủ 18 tuổi nên không xem xét việc giao cho ai trực tiếp nuôi dưỡng, vì Duy đã đến tuổi trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn như sau: Bà Nguyễn Thị L1 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Duy Khang và Phan Nguyễn Khánh Ngọc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị L1 không yêu cầu ông Phan Văn D1 cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời ông D1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5].*Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Phan Văn D1, bà Nguyễn Thị L1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên chưa xử lý phần tài sản chung, nợ chung.

[6].*Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, các điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên xử:

1.*Về hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị L1 được ly hôn ông Phan Văn D1.

2.*Về con chung*:

Giao cho bà Nguyễn Thị L1 được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phan Nguyễn Duy Khang, sinh ngày 05/7/2006 và Phan Nguyễn Khánh Ngọc, sinh ngày 22/01/2012 cho đến khi hai cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Ông Phan Văn D1 được quyền lui tới thăm và chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cấm, cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Tạm thời ông Phan Văn D1 không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thị L1 không có yêu cầu.

3.*Về án phí*: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0004762 ngày 05/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Như vậy, bà Nguyễn Thị L1 đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4.*Về quyền kháng cáo*: Bà Nguyễn Thị L1, ông Phan Văn D1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- Các đương sự;*
- TAND tỉnh BRVT;*
- VKSND tỉnh BRVT;*
- Chi cục THADS H. Xuyên Mộc;*
- UBND xã Đức Tân, h. Tân Trụ;*
- VKSND H.Xuyên Mộc;*
- Lưu: Văn thư, Hồ sơ vụ án.*

Phạm Minh Sơn